TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 7 – 2023

"V/v Ly hôn giữa
chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P *tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị H, sinh năm 1987, *(có đơn xin vắng mặt)*.

Nơi cư trú : Số 03, ấp Phú Lợi, xã A, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh T, sinh năm 1982, *(có đơn xin vắng mặt)*.

Nơi cư trú : Số 03, ấp Phú Lợi, xã A, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2019 chị và anh T đồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2019 ngày 19/9/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do giữa chị với cháu K (con riêng của anh T) và anh em của anh T xảy ra mâu thuẫn, anh T bênh vực cháu K, nhiều lần chị và anh T cãi vã, anh

T đi uống rượu về gây sự cự cãi với chị. Từ đầu năm 2023 đến nay anh chị ly thân. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Nuôi con chung: có 01 con chung tên Q, sinh ngày 02/7/20219, chị H đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 23/6/2023 của Toà án, bị đơn là anh T trình bày:

Anh trình bày như trình bày trên của chị H về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng anh cho rằng việc mâu thuẫn giữa chị H và cháu K (con riêng anh T) là hiểu lầm, chị H có lời lẽ khó nghe với cháu K, ngoài ra chị H còn mâu thuẫn với anh em của anh. Từ tháng 01/2023 đến nay anh và chị H sống ly thân. Nay, chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh và chị H có 01 con chung tên Q, sinh ngày 02/7/2019, anh đồng ý giao cháu Quyên cho chị H nuôi dưỡng, hiện nay chị H đang nuôi. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao con chung tên cháu Q, sinh ngày 02/7/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn do chị H với con riêng và anh em bên anh T mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023, từ khi chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đến nay anh T vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh đồng ý ly hôn với chị H. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị H và anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Q, chị H đang nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao con chung là cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, nhưng chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, chị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị H và anh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2019, ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 01 con chung tên Q, sinh ngày 02/7/2019 cho chị H nuôi dưỡng, chị H đang nuôi. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006075 ngày 12-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã A, huyện P,
Tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương